

Số: /BGDDĐT-GDDT

V/v tổ chức bồi dưỡng, cấp chứng chỉ
tiếng dân tộc thiểu số theo Thông tư số
09/2023/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Kính gửi: Trường Đại học Phạm Văn Đồng.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) nhận được văn bản số 1246/TTr-CĐSP ngày 12/12/2023 của Trường Đại học Phạm Văn Đồng về việc đăng ký nhận nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ Tiếng H'rê, Tiếng Co trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi kèm theo Đề án. Căn cứ các quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18/4/2023 của Bộ GDĐT ban hành quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số, Bộ GDĐT đề nghị Trường Đại học Phạm Văn Đồng:

1. Đăng tải công khai Đề án tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ Tiếng H'rê, Tiếng Co trên trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Thực hiện tuyển sinh đúng đối tượng; tổ chức bồi dưỡng, kiểm tra - đánh giá, quản lý và cấp chứng chỉ Tiếng H'rê, Tiếng Co cho học viên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo đúng các quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT và các quy định hiện hành, đảm bảo khoa học, chất lượng và hiệu quả.

3. Báo cáo kết quả bồi dưỡng, cấp chứng chỉ Tiếng H'rê, Tiếng Co cho học viên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi về Bộ GDĐT trước ngày 30 tháng 12 hằng năm và chịu trách nhiệm về việc đảm bảo đủ điều kiện tổ chức bồi dưỡng, cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số trước các cơ quan quản lý. Trong trường hợp có biến động về số lượng, chất lượng của các điều kiện đảm bảo so với thời điểm đăng ký nhận nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng, cấp chứng chỉ Tiếng H'rê, Tiếng Co, Trường phải có báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Bộ GDĐT để điều chỉnh phù hợp.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị Trường báo cáo về Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục dân tộc) theo địa chỉ: số 35 Đại Cồ Việt, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội để được giải quyết kịp thời.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Hoàng Minh Sơn (để b/c);
- Cục Quản lý Chất lượng (để p/h);
- Lưu: VT, Vụ GDDT (2b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Ngô Thị Minh

Số: 1246/TTr-ĐHPVĐ

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 12 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc xin chủ trương tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số
(tiếng Hrê, tiếng Co) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Vụ Giáo dục dân tộc - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường Đại học Phạm Văn Đồng được thành lập tại Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 07/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp, sáp nhập Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Ngãi và Trường Cao đẳng Cộng đồng Quảng Ngãi. Trường Đại học Phạm Văn Đồng là trường công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trường Đại học Phạm Văn Đồng được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*lần 1 vào năm 2017 và lần 2 vào năm 2023*).

Đến nay, đã có hơn 30.000 sinh viên, học viên tốt nghiệp tại Trường Đại học Phạm Văn Đồng với nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau, đã góp phần đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước; trong đó, đã và đang đào tạo gần 600 lưu học sinh cho Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Với những thành tích đã đạt được, Trường Đại học Phạm Văn Đồng đã Hai lần được Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất (*năm 2012 và năm 2017*), cùng nhiều cờ thi đua, bằng khen của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Quảng Ngãi; nhận Huân chương Hữu nghị Việt Lào, vì có nhiều đóng góp cho quá trình đào tạo lưu học sinh Lào.

Thực hiện Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi; UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai kế hoạch thực hiện đào tạo bồi dưỡng, trong đó có các văn bản hướng dẫn thực hiện bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số (*tại tỉnh Quảng Ngãi, dân số người dân tộc thiểu số toàn tỉnh khoảng 187.090 người; trong đó dân tộc Hrê khoảng 133.104 người, dân tộc Co khoảng 19.689 người*), cụ thể:

- Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 24/3/2005 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức các cấp, các ngành đang công tác ở vùng dân tộc, miền

núi trong tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 27/4/2007 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành tạm thời Bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng tiếng Hrê để đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Quảng Ngãi.

- Công văn số 4796/UBND-NC ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc cho phép Trường Đại học Phạm Văn Đồng sử dụng kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh: “Nghiên cứu, biên soạn tài liệu dạy - học tiếng Co cho cán bộ, công chức, viên chức (người Kinh) công tác tại huyện Trà Bồng và huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi” để thực hiện bồi dưỡng tiếng Co cho cán bộ, công chức, viên chức huyện Trà Bồng và Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số; Trường Đại học Phạm Văn Đồng đã triển khai rà soát, hoàn thiện các điều kiện về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất; tổ chức biên soạn và thẩm định chương trình chi tiết dạy học tiếng Hrê, tiếng Co theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo; cập nhật các tài liệu bồi dưỡng và xây dựng Đề án tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Hrê, tiếng Co) ở tỉnh Quảng Ngãi trình Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến theo quy định hiện hành (có Đề án và hồ sơ cụ thể kèm theo).

Để đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội đang công tác tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hiện nay; Trường Đại học Phạm Văn Đồng kính báo cáo và kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo quan tâm xem xét, kiểm tra, xác minh các điều kiện đáp ứng yêu cầu bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số và có thông báo đủ điều kiện để Trường Đại học Phạm Văn Đồng có cơ sở pháp lý triển khai thực hiện Đề án tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Hrê và tiếng Co) cho cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội đang công tác tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (báo cáo);
- UBND tỉnh Quảng Ngãi (báo cáo);
- Sở GDĐT Quảng Ngãi (để phối hợp);
- Đảng ủy;
- Hội đồng trường (báo cáo);
- HT, các PHT;
- Lưu: VT, ĐT.



Trần Đình Thám

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG

ĐỀ ÁN

TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ (TIẾNG HRÊ, TIẾNG CO) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Tờ trình số 1246/TTr-ĐHPVD ngày 12 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Phạm Văn Đồng)

Quảng Ngãi, tháng 12 năm 2023

HỒ SƠ ĐỀ ÁN

1. Tờ trình.

2. Đề án "Tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Hrê, tiếng Co) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Đề án):

- Biên bản thẩm định Đề án của Hội đồng thẩm định
- Quyết định thành lập Tổ soạn thảo Đề án
- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Đề án
- Danh sách đội ngũ giảng viên đáp ứng điều kiện Đề án (*kèm theo bản sao văn bằng*)
- Quyết định thành lập các ban biên soạn Chương trình dạy học, Chương trình chi tiết
- Quyết định thành lập các Hội đồng nghiệm thu Chương trình dạy học, Chương trình chi tiết
- Biên bản nghiệm thu Chương trình dạy học, Chương trình chi tiết
- Quyết định ban hành Chương trình dạy học kèm theo Chương trình chi tiết
- 02 tài liệu bồi dưỡng kèm theo (đóng thành từng tập riêng):
 - + Tài liệu bồi dưỡng tiếng Hrê dùng cho cán bộ, công chức công tác ở miền núi và công tác dân tộc tỉnh Quảng Ngãi.
 - + Tài liệu bồi dưỡng tiếng Co, Bài học tiếng Co, Nguyễn Minh Trí (chủ biên) 2016.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG

ĐỀ ÁN

**TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ
(TIẾNG HRÊ, TIẾNG CO) TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr- ĐHPVD ngày tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Phạm Văn Đồng)*

Quảng Ngãi, tháng 7 năm 2023

MỤC LỤC

A. Tên đề án	
TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ (TIẾNG HRÊ, TIẾNG CO) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI	6
B. Nội dung đề án	6
I. Sự cần thiết của đề án	6
1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Phạm Văn Đồng.....	6
2. Tình hình sử dụng tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Hrê, tiếng Co) tại tỉnh Quảng Ngãi	8
3. Sự cần thiết của đề án	9
4. Cơ sở pháp lý của việc xây dựng Đề án	10
II. Mục đích, yêu cầu của nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng	11
1. Mục đích	11
2. Yêu cầu	11
III. Điều kiện đáp ứng yêu cầu tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số	11
1. Đội ngũ giảng viên	11
2. Cơ sở vật chất	15
3. Chương trình chi tiết và tài liệu bồi dưỡng tiếng Hrê, tiếng Co.....	16
3.1. Chương trình chi tiết và tài liệu bồi dưỡng tiếng Hrê	16
3.1.1. Chương trình chi tiết	16
3.1.2. Tài liệu bồi dưỡng tiếng Hrê	21
3.2. Chương trình chi tiết và tài liệu bồi dưỡng tiếng Co	21
3.2.1. Chương trình chi tiết tiếng Co	21
3.2.2. Tài liệu bồi dưỡng tiếng Co	27
IV. Các quy định về tuyển sinh và tổ chức bồi dưỡng	27

1. Chỉ tiêu tuyển sinh	27
2. Đối tượng tuyển sinh	27
3. Phương thức và hồ sơ tuyển sinh	27
3.1. Phương thức tuyển sinh	27
3.2. Hồ sơ tuyển sinh	27
4. Hình thức tổ chức bồi dưỡng	27
5. Kiểm tra, đánh giá, xếp loại, bảo lưu kết quả học tập và cấp chứng chỉ.....	28
5.1. Về phương thức đánh giá	28
5.2. Nguyên tắc đánh giá	28
5.3. Đánh giá, xếp loại và bảo lưu kết quả học tập	29
5.3.1. Đánh giá	29
5.3.2. Xếp loại	29
5.3.3. Bảo lưu	29
5.4. Cấp chứng chỉ	29
V. Đề xuất và cam kết	29
Phụ lục 1: Hồ sơ giảng viên	30
Phụ lục 2: Các Quyết định ban hành	
Phụ lục 3: Tài liệu bồi dưỡng tiếng Hrê; tài liệu bồi dưỡng tiếng Co	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG

A. TÊN ĐỀ ÁN

**TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ (TIẾNG HRÊ,
TIẾNG CO) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

B. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. Sự cần thiết của đề án

1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Phạm Văn Đồng

Tên trường: Trường Đại học Phạm Văn Đồng

Tên tiếng Anh: Pham Van Dong University viết tắt là PDU

Cơ quan chủ quản: Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Năm thành lập: 2007

Loại hình trường: Công lập

Địa chỉ: 509- Phan Đình Phùng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Số điện thoại: (0255) 3824041, số fax: (0255) 3824925

E-mail: daihocphamvandong@pdu.edu.vn

Website: <http://www.pdu.edu.vn>

Trường Đại học Phạm Văn Đồng được thành lập theo Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 07/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Ngãi và Cao đẳng Cộng đồng Quảng Ngãi, đã chính thức hoạt động từ ngày 15/10/2007.

Trường Đại học Phạm Văn Đồng là cơ sở công lập, đào tạo đa ngành, đa phương thức; là cơ sở nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi và cả nước.

Tính đến năm 2023, Nhà trường hiện có 8 khoa: Ngoại ngữ, Sư phạm Tự nhiên, Sư phạm Xã hội, Công nghệ thông tin, Kinh tế, Kỹ thuật công nghệ, Lý luận chính trị và Giáo dục thể chất - QPAN thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực khoa học: Giáo dục, Ngoại ngữ, Kinh tế, Kỹ thuật - công nghệ và 10 phòng, trung tâm. Nhà trường có 11 chương trình đào tạo đại học và 01 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

Đến nay, số lượng cán bộ, giảng viên là 222 người, gồm: 176 giảng viên; 46 viên chức làm việc hành chính, phục vụ. Đội ngũ giảng viên của trường có 30 tiến sĩ, 146 thạc sĩ; có 12 giảng viên đang làm nghiên cứu sinh trong và ngoài

nước. Hầu hết giảng viên có trình độ đào tạo đại học và trên đại học, trong đó, trình độ chuyên môn cao chiếm đa số (gần 90% giảng viên có trình độ Thạc sĩ trở lên), có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm; phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp. Một số giảng viên trẻ có năng lực, được đào tạo trên đại học tại các trường uy tín ở nước ngoài.

Một yếu tố quan trọng để đảm bảo yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học là cơ sở vật chất kỹ thuật. Cơ sở vật chất kỹ thuật của nhà trường ngày càng được tăng cường. Hiện nay, Trường Đại học Phạm Văn Đồng có 02 cơ sở đào tạo với tổng diện tích đất 290.094m². Trong đó, diện tích sử dụng đất tại mỗi cơ sở như sau:

- Cơ sở 986 Quang Trung: Diện tích đất là 51.341m², được quy hoạch theo từng phân khu cụ thể như sau:

TT	Quy mô sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình học tập	10.179	19,8
2	Đất sân vườn cây xanh	36.496	71,1
3	Đất giao thông nội bộ	3.121	6,1
4	Đất sân thể thao	1.545	3,0
Tổng cộng		51.341	100

- Cơ sở 509 Phan Đình Phùng: Theo quy hoạch đã được phê duyệt thì cơ sở gồm có khu A và khu B, diện tích đất cấp là 23,875 ha, với quy mô sử dụng đất như sau:

TT	Quy mô sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình học tập	38.165	16,0
2	Đất ký túc xá	34.593	14,5
3	Đất thể dục, thể thao	51.500	21,6
4	Đất cây xanh	73.277	30,7
5	Đất giao thông, sân bãi	41.218	17,2
Tổng cộng		238.753	100

Nhà trường có đủ giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở thực tập và phương tiện kỹ thuật phục vụ cho dạy và học.

Trường Đại học Phạm Văn Đồng chịu trách nhiệm tổ chức điều hành các hoạt động giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

Trường Đại học Phạm Văn Đồng đã có bề dày trong công tác đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ngãi. Từ năm 1992, Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Ngãi (nay là Trường Đại học Phạm Văn Đồng) đã tổ chức triển khai, bồi dưỡng thường xuyên chu kỳ 1995 - 2000 cho hàng nghìn cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên các cấp học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh. Năm 2000, Trường phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi tiếp tục bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên các cấp học về chương trình sách giáo khoa mới năm 2000.

Từ năm 2007 đến nay, Trường Đại học Phạm Văn Đồng tiếp tục thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên các cấp học trong tỉnh về ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng tiếng Việt cho lưu học sinh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (CHDCND Lào) và các khóa học ngắn hạn thuộc các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật và công nghệ.

Trường cũng là đơn vị tại địa phương tổ chức bồi dưỡng và cấp các chứng chỉ về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên, chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và các chứng nhận năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Pháp).

Hơn 15 năm hình thành và phát triển, Trường Đại học Phạm Văn Đồng có 11 khóa bậc đại học, 12 khóa bậc cao đẳng và 12 khóa bậc trung cấp chuyên nghiệp với trên 15.000 học sinh, sinh viên tốt nghiệp, tỉ lệ tốt nghiệp vào khoảng 95% (chưa kể học viên vừa làm vừa học). Trên 80% số học sinh, sinh viên tốt nghiệp sau một năm đã có việc làm ổn định, đúng chuyên ngành đào tạo. Sản phẩm đào tạo của Nhà trường đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố và được xã hội chấp nhận, góp phần đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi và vùng phụ cận. Trường Đại học Phạm Văn Đồng đã 02 lần được Chủ tịch nước CHXHCNVN tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2012 và năm 2017), đây là một vinh dự to lớn mà Đảng và Nhà nước trao tặng, ghi nhận sự nỗ lực, cố gắng của nhà trường đạt được trong thời gian qua. Năm 2017, Nhà trường được Chủ tịch nước CHDCND Lào tặng Huân chương Hữu Nghị.

Trường Đại học Phạm Văn Đồng đã được công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đại học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Tình hình sử dụng tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Hrê, tiếng Co) tại tỉnh Quảng Ngãi

Tại tỉnh Quảng Ngãi, dân tộc thiểu số toàn tỉnh khoảng 187.090 người, trong đó dân tộc Hrê khoảng 133.104 người, dân tộc Co khoảng 19.689 người.

Hiện nay tại tỉnh Quảng Ngãi, ở vùng miền núi có đồng bào người Hrê, người Co sinh sống, trạng thái phổ biến là song ngữ - sử dụng được hai ngôn

ngữ: người Hrê/Co thường sử dụng được cả tiếng Hrê/Co và tiếng Việt. Ở một vài nơi, có người còn biết cả tiếng Xơ đăng, Co, Hrê. Nhờ sự cư trú đan xen, quá trình giao lưu trong rất nhiều hoàn cảnh đa dạng của cuộc sống hiện nay, đặc biệt là qua quá trình học tập ở nhà trường, qua các phương tiện thông tin đại chúng (tivi, đài, sách báo...), khả năng sử dụng tiếng Việt của lớp trẻ và những người có học thức tương đối thành thạo. Tuy nhiên, cũng gặp không ít những người Co, người Hrê sử dụng được tiếng Việt còn hạn chế, chủ yếu chỉ ở những giao tiếp đơn giản (chưa có khả năng tiếp nhận và tạo ra các văn bản viết), những người có tuổi và phụ nữ ở vùng cao, vùng xa, do ít có điều kiện tiếp xúc, nên khả năng tiếng Việt không thành thạo bằng những người trẻ tuổi.

Sống và làm việc ở vùng đồng bào dân tộc Hrê/Co, một số cán bộ, công chức, viên chức và đồng bào thuộc dân tộc thiểu số khác cũng đã học nói được tiếng Co, tiếng Hrê theo cách truyền miệng, nên khả năng giao tiếp bằng tiếng dân tộc thiểu số còn hạn chế.

Cũng như hầu hết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay, thực tế đời sống làm nảy sinh yêu cầu sử dụng tiếng Việt ngày càng ở phạm vi rộng hơn, đa dạng hơn và ở mức độ sâu sắc hơn. Ngược lại, tiếng nói riêng của cộng đồng Co/Hrê hiện đang đứng trước nguy cơ bị lãng quên hoặc pha trộn đến mức nhiều khi mất cả nét bản sắc, bị giảm thiểu các chức năng xã hội, chỉ được dùng trong một số hoàn cảnh giao tiếp nhất định ở gia đình và làng xóm, chỉ ở dạng khẩu ngữ (không ở dạng ngôn ngữ thành văn với sự tham gia của chữ viết,...), trở nên nghèo nàn và kém dân sức biểu cảm do không được bảo tồn và phát triển. Tiếng dân tộc thiểu số (Co, Hrê) có xu hướng dùng giảm dần ở các thế hệ, trong đó thế hệ trẻ có xu hướng “ưu tiên” tiếng Việt và các ngoại ngữ, mà ít sử dụng hoặc sử dụng không thành thạo tiếng mẹ đẻ của mình. Đó là nỗi lo lắng, trăn trở của nhiều cán bộ làm công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc thiểu số và đặc biệt của các trí thức người Co, người Hrê.

3. Sự cần thiết của đề án

Thực hiện Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi; Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 24/3/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và tình hình sử dụng tiếng dân tộc thiểu số tại địa phương, việc thực hiện bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Hrê, Co) tại tỉnh Quảng Ngãi là nhu cầu cấp thiết nhằm củng cố và phát triển những hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa và khả năng giao tiếp tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức công tác ở huyện có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống giúp hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác.

Bên cạnh đó, để bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc thiểu số, đồng thời tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng

đồng bào dân tộc thiểu số biết nghe, hiểu được từ ngữ thông dụng trong giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Hrê/Co góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số chấp hành chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước góp phần phát triển kinh tế - xã hội các huyện miền núi.

Ngày 18/4/2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số thay thế Thông tư số 36/2012/TT-BGDĐT ngày 24/10/2012. Để thực hiện đúng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Trường Đại học Phạm Văn Đồng tổ chức thực hiện xây dựng đề án "***Tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Hrê, tiếng Co) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi***".

4. Cơ sở pháp lý của việc xây dựng Đề án

Việc xây dựng Đề án tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Hrê, tiếng Co) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, dựa trên các văn bản sau:

- Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi.

- Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 24/3/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết định số 1168/QĐ-TTg, ngày 07/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phạm Văn Đồng.

- Nghị quyết số 337/NĐ-ĐHPVĐ-HĐT ngày 20/7/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Phạm Văn Đồng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Phạm Văn Đồng.

- Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số.

- Quyết định 03/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình khung dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

- Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 27/4/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành tạm thời Bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng tiếng Hrê cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Quảng Ngãi.

- Công văn số 4796/UBND-NC của Chủ tịch UBND tỉnh ngày 27/8/2019 về việc cho phép Trường Đại học Phạm Văn Đồng sử dụng kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh: “Nghiên cứu, biên soạn tài liệu dạy - học tiếng Co cho

cán bộ, công chức, viên chức (người Kinh) công tác tại huyện Trà Bồng và huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi” để xây dựng chương trình dạy - học và thực hiện bồi dưỡng tiếng Co cho cán bộ, công chức, viên chức huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

II. Mục đích, yêu cầu của nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng

1. Mục đích

Nhằm củng cố và phát triển những hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa và khả năng giao tiếp tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Hrê, Co) cho cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội đang công tác tại các huyện miền núi có đồng bào người Hrê, người Co đang sinh sống; thực hiện công tác tuyên truyền, vận động thuyết phục đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện các Nghị quyết của Đảng về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của người Hrê/Co trong cộng đồng các dân tộc khác, góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh Quảng Ngãi.

2. Yêu cầu

Trang bị cho cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội, trong các đơn vị liên quan khác đang công tác tại các huyện có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nghe, hiểu được từ ngữ thông dụng trong giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Hrê, tiếng Co.

III. Điều kiện đáp ứng yêu cầu tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số

1. Đội ngũ giảng viên (Phụ lục 1)

Trường Đại học Phạm Văn Đồng được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Ngữ văn theo Quyết định số 420/QĐ-BGDĐT ngày 24/01/2008. Khoa Sư phạm Xã hội (SPXH) là đơn vị quản lý chuyên môn của Trường Đại học Phạm Văn Đồng có chức năng, nhiệm vụ xây dựng chương trình, kế hoạch giảng dạy, học tập và tổ chức đào tạo bậc đại học ngành Sư phạm Ngữ văn, và bậc cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Đến năm 2022, đã có 11 khóa tốt nghiệp bậc đại học chuyên ngành Ngữ văn, với hơn 700 sinh viên tốt nghiệp. Hiện nay, khoa SPXH quản lý 07 lớp bậc đại học ngành Sư phạm Ngữ văn, bao gồm cả hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học với hơn 118 sinh viên đang tham gia học tập và hơn 100 lưu học sinh Lào đang tham gia học tiếng Việt tại khoa.

Đội ngũ của Khoa Sư phạm Xã hội hiện có 40 cán bộ, giảng viên, trong đó có 4 Tiến sĩ và 26 thạc sĩ, thuộc các chuyên ngành ngôn ngữ, văn học và các chuyên ngành tâm lý, giáo dục, quản lý giáo dục có đủ năng lực, trình độ đào tạo và kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài.

Bên cạnh đó, trường thường xuyên mời những giáo viên công tác ở các huyện có đồng bào dân tộc thiểu số thỉnh giảng, tham gia giảng dạy trong các lớp bồi dưỡng để cập nhật đời sống văn hóa dân tộc thiểu số, gắn liền với thực tiễn tại địa phương. Các giáo viên này thành thạo tiếng Hrê/Co, đã từng có nhiều năm tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng tiếng Hrê/Co cũng như tham gia các đề tài nghiên cứu, biên soạn tài liệu tiếng Hrê/Co

Với đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao thuộc các nhóm ngành ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam đồng thời có hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số phù hợp với chương trình tổ chức bồi dưỡng, cụ thể như sau: (*Hồ sơ của giảng viên: Phụ lục 1*)

1. Danh sách giảng viên tham gia lớp bồi dưỡng tiếng Hrê:

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Minh chứng hiểu biết ngôn ngữ
I	Giảng viên cơ hữu			
1	Trần Thị Đào Mai	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học	Thành viên tham gia đề tài “Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Việt – Hrê, Việt - Co
2	Lê Văn Mẫu	Tiến sĩ	Văn học Trung Quốc cổ đại	Tham gia biên soạn chương trình bồi dưỡng tiếng Hrê
3	Nguyễn Đăng Vũ	Tiến sĩ	Lịch sử văn hóa nghệ thuật	Đề tài về văn hoá tiếng Hrê, tiếng Co
4	Nguyễn Diên Xương	Tiến sĩ	Ngữ văn	Tham gia biên soạn tài liệu bồi dưỡng tiếng Hrê, tiếng Co
5	Nguyễn Ngọc Như Ý	Tiến sĩ	Ngữ văn	Đề tài văn học về tiếng Co, Hrê
6	Bùi Văn Thanh	NCS, ThS	Ngữ văn	Biên soạn tài liệu văn hoá địa phương; Có chứng nhận bồi dưỡng tiếng Hrê; Tham gia viết bài giảng

					tiếng Hrê
7	Huỳnh Thị Ngọc	Kiều	Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy Văn - Tiếng Việt	Tham gia hỗ trợ giảng dạy tiếng tiếng Hê
8	Nguyễn Thị Hồng	Huệ	Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	Tham gia đề tài tài tiếng Hrê
9	Nguyễn Thị Mỹ	Thuận	Thạc sĩ	Văn hóa học	Tham gia hỗ trợ giảng dạy tiếng tiếng Hê; Có chứng nhận bồi dưỡng tiếng Hrê
10	Nguyễn Thị Phương		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	Tham gia hỗ trợ giảng dạy tiếng tiếng H rê; có chứng nhận tiếng Hrê
II Giảng viên thỉnh giảng					
1	Đình	Coi	Hrê	Cử nhân khoa học, ngành Văn	Thành viên biên soạn tài liệu đào tạo, bồi dưỡng tiếng Hrê; Thành viên tham gia đề tài “Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Việt – Hrê, Việt – Co;
2	Phạm Văn	Nam	Hrê	Cử nhân khoa học, ngành Lý-KTCN	Giảng dạy tại huyện Sơn Tây; Chứng nhận bồi dưỡng tiếng Hrê
3	Phạm Văn	Trai	Hrê	Cử nhân khoa học, ngành Sử-Chính trị	Giảng dạy tại huyện Sơn Hà
4	Rô Đăm	Bình	Hrê	Sư phạm Vật lý	Thành viên biên soạn tài liệu tiếng Hrê.
5	Phạm Văn	Hạnh	Hrê	Sư phạm Hóa học	Giảng dạy, bồi dưỡng tiếng Hrê cho huyện Ba Tơ

2. Danh sách giảng viên tham gia lớp bồi dưỡng tiếng CO:

TT	Họ và tên		Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Minh chứng hiểu biết ngôn ngữ
II	Giảng viên cơ hữu				
1	Trần Thị Mai	Đào	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học	Thành viên tham gia đề tài “Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Việt – Hrê, Việt - Co
2	Nguyễn Đăng	Vũ	Tiến sĩ	Lịch sử văn hóa nghệ thuật	Đề tài về văn hoá tiếng Hrê, tiếng Co
3	Nguyễn Diên	Xương	Tiến sĩ	Ngữ văn	Tham gia biên soạn tài liệu bồi dưỡng tiếng Hrê, tiếng Co
4	Nguyễn Ngọc	Như Ý	Tiến sĩ	Ngữ văn	Đề tài văn học về tiếng Co, Hrê
5	Nguyễn Hạnh	Nhi	NCS,ThS	Ngôn ngữ học	Tham gia hỗ trợ giảng dạy tiếng tiếng Co
6	Trần Thị Thu		Thạc sĩ	Ngữ văn	Tham gia hỗ trợ giảng dạy tiếng tiếng Co
7	Phạm Thị Quyên		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	Tham gia hỗ trợ giảng dạy tiếng tiếng Co
II	Giảng viên thỉnh giảng				
1	Hồ Văn Năm		Co	Cử nhân	Phát thanh viên tiếng Co đài Phát thanh và truyền hình Quảng Ngãi; thành viên biên soạn tài liệu tiếng

				Co.
2	Hồ Văn Thanh	Co	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên dạy huyện Trà Bông; giảng dạy bồi dưỡng tiếng Co cho công chức huyện Trà Bông
3	Nguyễn Văn Thanh	Co	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Giảng dạy tại huyện Trà Bông; Chứng nhận bồi dưỡng tiếng Co

2. Cơ sở vật chất

Trường Đại học Phạm Văn Đồng đã đầu tư và xây dựng hệ thống cơ sở vật chất khang trang phục vụ tốt nhu cầu giảng dạy, học tập. Trường có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học, có ký túc xá cho người học và sân bãi cho các hoạt động văn hóa thể thao.

Trường có tổng số 83 phòng học; 14 giảng đường (trong đó có 02 giảng đường 200 chỗ và 01 Hội trường 300 chỗ dùng để tổ chức hội nghị, hội thảo, các hoạt động văn hóa, văn nghệ...); 02 khu giảng đường chính với diện tích sàn xây dựng là 13.573 m², các phòng học với đầy đủ bàn ghế, bảng phấn, máy chiếu, hệ thống điện, quạt, có thể đáp ứng đào tạo, bồi dưỡng khoảng 6.000 học viên, sinh viên.

Hệ thống nhà đa năng, phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị tương đối đầy đủ thiết bị cần thiết theo yêu cầu của các ngành đào tạo và của các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học, cụ thể:

- Nhà thực hành công nghệ thông tin, ngoại ngữ, nhạc, họa, mầm non gồm: 12 phòng thực hành tin học, 02 phòng Lab với đầy đủ thiết bị nghe-nhìn phục vụ thực hành tiếng, 02 phòng thực hành múa, 03 phòng thực hành nhạc, 01 phòng thực hành vẽ với đầy đủ các trang thiết bị phục vụ rất tốt cho việc giảng dạy các môn tin học, ngoại ngữ, âm nhạc, mỹ thuật, tiểu học, mầm non.

- Nhà đa chức năng với diện tích 1.016 m² và khu thể thao ngoài trời có diện tích 8.577 m² phục vụ rất tốt cho việc dạy học, luyện tập thể dục thể thao, giáo dục quốc phòng. Trong đó có sân bóng đá cỏ nhân tạo, sân bóng chuyền, sân bóng rổ, sân cầu lông,

- Nhà thư viện với diện tích 1.330m²; gồm: 01 phòng Tự học với 150 chỗ ngồi, 01 phòng diễn giảng, 01 phòng Báo - Tạp chí - Internet với 35 máy tính có nối mạng internet, 01 phòng sách Tham khảo, 01 phòng sách Sư phạm, 01 phòng sách Kinh tế - Kỹ thuật. Tài nguyên thông tin của trung tâm đa dạng về loại hình và số lượng: Có 24 đầu báo, tạp chí các chuyên ngành; 18.170 đầu sách với 157.557 cuốn sách. Thư viện số với 1.700.000 tài liệu cũng là nguồn

học liệu phong phú đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu cho cán bộ, giảng viên và sinh viên.

3. Chương trình chi tiết và tài liệu bồi dưỡng tiếng Hrê, tiếng Co

Căn cứ Quyết định 03/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình khung dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số; Trường Đại học Phạm Văn Đồng đã thành lập Tổ biên soạn Đề án tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số và các Ban biên soạn Chương trình dạy học và Chương trình chi tiết tiếng Hrê, tiếng Co; xây dựng kế hoạch tổ chức biên soạn và thẩm định Chương trình dạy học và Chương trình chi tiết tiếng Hrê, tiếng Co theo quy định hiện hành, nội dung cụ thể như sau:

- Quyết định số 186/QĐ-ĐHPVĐ ngày 09/5/2023 của Trường Đại học Phạm Văn Đồng về việc thành lập Tổ soạn thảo Đề án tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số;

- Quyết định số 202/QĐ-ĐHPVĐ ngày 17/5/2023 của Trường Đại học Phạm Văn Đồng về việc thành lập các Ban biên soạn Chương trình dạy học và Chương trình chi tiết tiếng Hrê và tiếng Co;

- Kế hoạch số 452/KH-ĐHPVĐ ngày 18/5/2023 của Trường Đại học Phạm Văn Đồng về triển khai thực hiện, hoàn thiện Đề án tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Hrê, tiếng Co).

- Quyết định số 230/QĐ-ĐHPVĐ ngày 05/6/2023 của Trường Đại học Phạm Văn Đồng về việc thành lập các Hội đồng nghiệm thu Chương trình dạy học và Chương trình chi tiết tiếng Hrê và tiếng Co;

- Quyết định số 318/QĐ-ĐHPVĐ ngày 12/7/2023 của Trường Đại học Phạm Văn Đồng về việc ban hành Chương trình dạy học tiếng Co ở tỉnh Quảng Ngãi;

- Quyết định số 317/QĐ-ĐHPVĐ ngày 12/7/2023 của Trường Đại học Phạm Văn Đồng về việc ban hành Chương trình dạy học tiếng Hrê ở tỉnh Quảng Ngãi.

(Có các Quyết định ban hành: Phụ lục 2)

3.1. Chương trình chi tiết và tài liệu bồi dưỡng tiếng Hrê

3.1.1. Chương trình chi tiết

Tổng thời lượng thực hiện chương trình bồi dưỡng 300 tiết, được phân bổ theo các hoạt động:

TT	CÁC HOẠT ĐỘNG	SỐ TIẾT
1	Dạy học trên lớp	250

2	Kiểm tra định kỳ	10
3	Hoạt động điền dã ngôn ngữ	30
4	Ôn tập, thi cuối khóa	10
Tổng số tiết		300

Chương trình dạy học được thiết kế thành các cụm bài. Mỗi cụm bài tương ứng với một chủ đề. Mỗi chủ đề gồm một số bài học. Mỗi bài học tích hợp các nội dung học tập, rèn luyện sau: Bài đọc; từ ngữ - ngữ pháp; luyện nghe - luyện nói và luyện viết.

Chương trình dạy học tiếng Hrê được thiết kế bao gồm 9 chủ đề. Các chủ đề được chi tiết hóa thành 75 bài học, trong đó có 6 bài ôn tập và 69 bài học phát triển kiến thức - ngôn ngữ.

T T	Chủ đề	Tên bài học	Số tiết	Ghi chú
1	<p style="text-align: center;">Chủ đề 1 Người Hrê - Tiếng Hrê</p> <p>Gồm 6 bài học, cung cấp những kiến thức liên quan đến tộc người Hrê, tiếng Hrê; các mẫu câu giao tiếp cơ bản liên quan đến chào hỏi, mời, chúc mừng, khuyên răn; hệ thống số đếm, các đơn vị đo lường; tuổi tác,... trong tiếng Hrê.</p>	<p>Bài 1: Người Hrê - Tiếng Hrê</p> <p>Bài 2: Chào hỏi</p> <p>Bài 3: Mời, chúc mừng</p> <p>Bài 4: Số, phép đếm</p> <p>Bài 5: Số - Các đại lượng về diện tích, thể tích, khối lượng,</p> <p>Bài 6: Số - Tuổi tác</p>	<p>16 tiết</p> <p>7 tiết lý thuyết và 9 tiết thực hành</p>	
2	<p style="text-align: center;">Chủ đề 2 Quan hệ dòng tộc, bản làng</p> <p>Gồm 3 bài học, với những kiến thức liên quan đến quan hệ gia đình, họ hàng, sui gia của người Hrê; các tiêu chuẩn của già làng; các lễ cúng, lễ hội trong sinh hoạt bản làng của người Hrê xưa và nay.</p>	<p>Bài 7: Quan hệ gia đình, họ hàng</p> <p>Bài 8: Già làng</p> <p>Bài 9: Sinh hoạt bản làng</p>	<p>11 tiết</p> <p>5 tiết lý thuyết và 6 tiết thực hành</p>	

3	<p align="center">Chủ đề 3</p> <p>Thiên nhiên - Môi trường</p> <p>Gồm 3 bài học và một bài ôn tập, cung cấp những kiến thức liên quan đến cách xác định đơn vị thời gian của người Hrê, mùa vụ canh tác xưa và nay; thời tiết và khí hậu ở miền núi tỉnh Quảng Ngãi; cách định vị phương hướng của người Hrê.</p>	<p>Bài 10: Thời gian trong năm, mùa vụ canh tác</p> <p>Bài 11: Thời tiết, khí hậu</p> <p>Bài 12: Phương hướng - Định vị không gian</p> <p>Bài 13: Ôn tập</p>	<p align="center">16 tiết</p> <p>7 tiết lý thuyết và 9 tiết thực hành</p>	
4	<p align="center">Chủ đề 4</p> <p>Đất nước - Con người</p> <p>Gồm 7 bài học và 1 bài ôn tập, đề cập đến điều kiện địa lý tự nhiên, lịch sử của đất nước, con người Việt Nam; những trang sử vẻ vang của Đảng cộng sản Việt Nam; 60 năm xây dựng, trưởng thành Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; công lao của chủ tịch Hồ Chí Minh đối với đất nước và dân tộc Việt Nam; điều kiện địa lý, khí hậu, lịch sử, dân cư của Quảng Ngãi; giới thiệu về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, bác Phạm Văn Đồng.</p>	<p>Bài 14: Đại gia đình dân tộc Việt Nam</p> <p>Bài 15: Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>Bài 16: Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam</p> <p>Bài 17: Bác Hồ kính yêu</p> <p>Bài 18: Quê hương Quảng Ngãi</p> <p>Bài 19: Đội du kích Ba Tơ</p> <p>Bài 20: Bác Phạm Văn Đồng</p> <p>Bài 21: Ôn tập</p>	<p align="center">25 tiết</p> <p>9 tiết lý thuyết và 16 tiết thực hành</p>	
5	<p align="center">Chủ đề 5</p> <p>Kinh tế</p> <p>Gồm 12 bài học và một bài ôn tập. Cung cấp những vốn từ vựng về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức khoa học thường thức về điện và sử dụng điện. 	<p>Bài 22: Điện và sử dụng điện</p> <p>Bài 23: Nhân dân làm đường nông thôn</p> <p>Bài 24: Thủy sản</p> <p>Bài 25: Cây rừng</p> <p>Bài 26: Thú rừng</p>	<p align="center">42 tiết</p> <p>16 tiết lý thuyết và 26 tiết thực hành</p>	

	<p>- Phong trào làm đường giao thông nông thôn; đề cập đến nguồn lợi thủy sản; các loại cây rừng, chim muông, thú rừng; tập quán sản xuất, kỹ thuật sản xuất; bảo vệ rừng và trồng rừng; các vấn đề vệ sinh trong nuôi trồng; đất đai và quyền sử dụng đất.</p> <p>- Các kiến thức về việc trao đổi hàng hóa giữa miền xuôi và miền ngược; dịch vụ thương mại ở bản làng trước kia và hiện nay; các nghề truyền thống, tiểu thủ công nghiệp ở miền núi.</p>	<p>Bài 27: Tập quán sản xuất, kỹ thuật sản xuất</p> <p>Bài 28: Bảo vệ rừng, trồng rừng</p> <p>Bài 29: Vệ sinh trong nuôi trồng</p> <p>Bài 30: Đất đai và quyền sử dụng đất</p> <p>Bài 31: Ôn tập</p> <p>Bài 32: Trao đổi hàng hóa giữa hai miền</p> <p>Bài 33: Dịch vụ thương mại ở bản làng</p> <p>Bài 34: Tiểu thủ công nghiệp - Nghề thủ công truyền thống ở miền núi.</p>		
6	<p style="text-align: center;">Chủ đề 6 Văn hóa - Xã hội</p> <p>Gồm 19 bài học và 2 bài ôn tập.</p> <p>Giới thiệu về các hình thức sinh hoạt âm nhạc, các loại nhạc cụ; kiến trúc nhà ở, nghề dệt vải và văn hóa trang phục; các nghi lễ sinh đẻ, cưới xin, ma chay; hình thức cúng bái, thờ phụng, kiêng cử; quan hệ xã giao nơi làng bản.</p> <p>Hệ thống giáo dục nước ta từ mầm non đến sau đại học; giới thiệu hình ảnh người thầy, trường học.</p> <p>Tuyên truyền về vệ sinh phòng bệnh, hệ thống cơ sở y tế từ trung ương đến địa</p>	<p>Bài 35: Sinh hoạt âm nhạc</p> <p>Bài 36: Làm nhà</p> <p>Bài 37: Dệt vải - Quần áo</p> <p>Bài 38: Việc sinh đẻ</p> <p>Bài 39: Việc ma chay</p> <p>Bài 40: Việc cưới xin</p> <p>Bài 41: Việc cúng bái - Thờ phụng</p> <p>Bài 42: Việc kiêng cử</p> <p>Bài 43: Quan hệ xã giao nơi bản làng</p> <p>Bài 44: Ôn tập</p> <p>Bài 45: Hệ thống giáo dục nước ta</p> <p>Bài 46: Thầy giáo</p> <p>Bài 47: Trường học</p> <p>Bài 48: Vệ sinh</p>	<p style="text-align: center;">66 tiết 25 tiết lý thuyết và 41 tiết thực hành</p>	

	<p>phương; giới thiệu các loại cây con có giá trị dược liệu; công tác khám, chữa bệnh.</p> <p>Công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư ở miền núi.</p>	<p>phòng bệnh trong sinh hoạt</p> <p>Bài 49: Cơ sở y tế</p> <p>Bài 50: Các loại cây, con có giá trị dược liệu</p> <p>Bài 51: Việc khám, chữa bệnh, sơ cấp cứu</p> <p>Bài 52: Ôn tập</p> <p>Bài 53: Khuyến nông</p> <p>Bài 54: Khuyến lâm</p> <p>Bài 55: Khuyến ngư</p>		
7	<p>Chủ đề 7</p> <p>Tôn giáo - Tín ngưỡng</p> <p>Gồm 3 bài học, về pháp lệnh tín ngưỡng và tôn giáo, tự do tôn giáo theo pháp luật; tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và bàn thờ tổ quốc.</p>	<p>Bài 56: Tự do tôn giáo theo luật pháp</p> <p>Bài 57: Thờ cúng tổ tiên</p> <p>Bài 58: Bàn thờ tổ quốc</p>	14 tiết	5 tiết lý thuyết và 9 tiết thực hành
8	<p>Chủ đề 8</p> <p>Bảo vệ tổ quốc - An ninh quốc phòng</p> <p>Gồm 4 bài học, về bảo vệ tổ quốc và an ninh quốc phòng, sự gắn bó của bộ đội Cụ Hồ với đồng bào dân tộc thiểu số; vai trò của lực lượng công an nhân dân; thực hiện nghĩa vụ quân sự và cảnh giác trước âm mưu diễn biến hòa bình.</p>	<p>Bài 59: Bộ đội cụ Hồ</p> <p>Bài 60: Công an nhân dân</p> <p>Bài 61: Thực hiện nghĩa vụ quân sự</p> <p>Bài 62: Âm mưu diễn biến hòa bình</p>	14 tiết	6 tiết lý thuyết và 8 tiết thực hành
9	<p>Chủ đề 9</p> <p>Xây dựng đời sống văn hóa</p> <p>Gồm 12 bài học và 1 bài ôn tập, chủ yếu tuyên truyền các nội dung trong xây</p>	<p>Bài 63: Về hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng</p> <p>Bài 64: Về đăng ký kết hôn, báo tử, khai</p>	46 tiết	20 tiết lý thuyết và 26 tiết thực hành

<p>dựng đời sống văn hóa, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ khẩu, đăng ký tạm trú, tạm vắng; - Đăng ký kết hôn, báo tử, khai sinh; - Không nghi oan cho người khác; không làm trái thuần phong mỹ tục; không mê tín dị đoan; - Xây dựng bản làng văn hóa; không vi phạm luật lệ an ninh trật tự; không nghe lời truyền đạo trái phép; - Không vi phạm luật lệ giao thông; - Phối hợp gia đình và nhà trường; đoàn kết toàn dân; - Phát triển kinh tế, xây dựng cuộc sống; 	<p>sinh</p> <p>Bài 65: Không nghi oan cho người khác</p> <p>Bài 66: Không làm trái thuần phong, mỹ tục</p> <p>Bài 67: Không mê tín dị đoan</p> <p>Bài 68: Xây dựng bản làng văn hóa</p> <p>Bài 69: Không vi phạm luật lệ an ninh trật tự</p> <p>Bài 70: Không nghe lời truyền đạo trái phép</p> <p>Bài 71: Không vi phạm luật lệ giao thông</p> <p>Bài 72: Phối hợp gia đình và nhà trường</p> <p>Bài 73: Đoàn kết toàn dân</p> <p>Bài 74: Phát triển kinh tế, xây dựng cuộc sống</p> <p>Bài 75: Ôn tập</p>		
---	---	--	--

3.1.2. Tài liệu bồi dưỡng tiếng Hrê

Tài liệu bồi dưỡng tiếng Hrê được ban hành theo Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 27/4/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, "*Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng tiếng Hrê dùng cho cán bộ, công chức công tác ở miền núi và công tác dân tộc tỉnh Quảng Ngãi*".

(*Tài liệu bồi dưỡng tiếng Hrê: Phụ lục 3*)

3.2. Chương trình chi tiết và tài liệu bồi dưỡng tiếng Co

3.2.1. Chương trình chi tiết tiếng Co

Tổng thời lượng thực hiện chương trình bồi dưỡng 300 tiết, được phân bổ theo các hoạt động:

TT	CÁC HOẠT ĐỘNG	SỐ TIẾT
1	Dạy học trên lớp	250
2	Kiểm tra định kỳ	10
3	Hoạt động điền dã ngôn ngữ	30
4	Ôn tập, thi cuối khóa	10
Tổng số tiết		300

Chương trình dạy học được thiết kế thành các cụm bài. Mỗi cụm bài tương ứng với một chủ đề. Mỗi chủ đề gồm một số bài học. Mỗi bài học tích hợp các nội dung học tập, rèn luyện sau: Bài đọc; từ ngữ - ngữ pháp; luyện nghe - luyện nói và luyện viết. Chương trình tiếng Co được thiết kế bao gồm 08 chủ đề. Các chủ đề được chi tiết hóa thành 80 bài học, trong đó có các bài học tập trung vào hướng dẫn cách đọc và cách viết chữ Co và các bài học thuộc các chủ đề về con người, gia đình, nhà trường, đất nước,... nhằm cung cấp các từ ngữ, những cách nói thường gặp trong những hoàn cảnh khác nhau của người Co. Cụ thể:

T T	Chủ đề	Tên bài học	Số tiết	Ghi chú
1	<p>Chủ đề 1 Tìm hiểu về tiếng Co Gồm 5 bài học, 1 bài giới thiệu khái quát về người Co và tiếng Co. 4 bài còn lại trình bày về bảng các chữ Co, thực hành ghi, đọc chữ Co và luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết qua các đoạn hội thoại đơn giản.</p>	<p>Bài 1: Khái quát tiếng Co. Bảng các chữ Co</p> <p>Bài 2: Thực hành cách ghi và đọc chữ Co</p> <p>Bài 3: Thực hành cách ghi và đọc chữ Co</p> <p>Bài 4: Thực hành cách ghi và đọc chữ Co</p> <p>Bài 5: Trò chuyện: Giới thiệu, làm quen</p>	<p>19 tiết 7 tiết lý thuyết và 12 tiết thực hành</p>	
2	<p>Chủ đề 2 Gia đình và dòng tộc Gồm 9 bài học, với những</p>	<p>Bài 6: Từ ngữ xưng gọi trong tiếng Co</p> <p>Bài 7: Trò chuyện:</p>	<p>31 tiết 10 tiết lý thuyết và 21</p>	

	<p>kiến thức liên quan đến quan hệ dòng tộc, họ hàng, nhà ở và sinh hoạt gia đình trong cộng đồng người Co. Miêu tả những người thân trong gia đình. Cách sử dụng từ ngữ xưng gọi và cách sử dụng danh từ đơn vị - loại từ trong tiếng Co.</p>	<p>Hỏi đường Bài 8: Trò chuyện: Khách đến thăm nhà. Bài 9: Gia đình tôi Bài 10: Trò chuyện: Làng của anh thế nào? Bài 11: Ông tôi Bài 12: Trò chuyện: Tục lệ ngày xưa Bài 13: Nhà của người Co. Bài 14: Cách sử dụng danh từ đơn vị - “Loại từ” trong tiếng Co Bài 15: Trò chuyện: Số đếm và từ chỉ thời gian</p>	<p>tiết thực hành</p>	
3	<p>Chủ đề 3 Sinh hoạt bản làng Gồm 8 bài học, cung cấp những kiến thức liên quan quá trình hình thành và các đặc điểm của làng người Co, các sinh hoạt truyền thống tại bản làng, vật nuôi trong nhà của người Co. Đồng thời qua các bài khóa, đoạn hội thoại để lồng ghép các nội dung về các chủ trương, chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội của các vùng có người Co sinh sống. Về kiến thức ngôn ngữ, chủ đề có nội dung về câu cầu khiến và câu cảm thán trong</p>	<p>Bài 16: Làng chúng tôi Bài 17: Trò chuyện: Chuẩn bị họp dân làng Bài 18: Một buổi họp với dân làng Tà Vook. Bài 19: Trò chuyện: Người Co sống ở đâu? Bài 20: Làng của người Co Bài 21: Trò chuyện: Tôi từng sống ở đây. Bài 22: Câu cầu khiến và câu cảm thán trong tiếng Co</p>	<p>33 tiết 11 tiết lý thuyết và 22 tiết thực hành</p>	

	tiếng Co.	Bài 23: Câu cầu khiến và câu cảm thán trong tiếng Co Bài 24: Vật nuôi ở nhà Bài 25: Trò chuyện: Cháu giúp bà suốt lúa nhé?		
4	<p style="text-align: center;">Chủ đề 4 Văn hóa dân tộc</p> <p>Gồm 8 bài học (4 bài khóa và 4 bài hội thoại) giới thiệu về các sinh hoạt văn hóa truyền thống, phong tục tập quán, sinh hoạt âm nhạc, tên các loại nhạc cụ của người Co, bao gồm lời hát giao duyên nam nữ, phong tục cưới xin, việc cúng bái, thờ phụng, tết Ngả rạ, các món ăn truyền thống, các loại nhạc cụ như chiêng, trống, đàn nước,</p>	<p>Bài 26: Trai gái người Co lấy nhau</p> <p>Bài 27: Trò chuyện: Các điệu hát của người Co</p> <p>Bài 28: Lời hát giao duyên</p> <p>Bài 29: Trò chuyện: Các tục cúng của người Co</p> <p>Bài 30: Người Co ăn tết “Ngả rạ”</p> <p>Bài 31: Trò chuyện: Nhạc cụ truyền thống của người Co</p> <p>Bài 32: Đàn nước của người Co</p> <p>Bài 33: Trò chuyện: Người Co đánh chiêng nhiều lắm.</p> <p>Bài 34: Cấu tạo từ bảng phụ tố trong tiếng Co</p> <p>Bài 35: Trò chuyện: Ông có nhớ chuyện xưa không?</p> <p>Bài 36: Trò chuyện: Người Co có những món ăn gì?</p>	<p style="text-align: center;">36 tiết 15 tiết lý thuyết và 21 tiết thực hành</p>	
5	<p style="text-align: center;">Chủ đề 5 Lao động, sản xuất</p> <p>Gồm 5 bài học (3 bài khóa</p>	Bài 37: Cây quế ở Trà Bồng	<p style="text-align: center;">20 tiết 8 tiết lý thuyết và 12</p>	

	<p>và 2 bài hội thoại) giới thiệu về các hoạt động lao động sản xuất đặc trưng của người Co như làm rẫy, chăn nuôi, trồng quế và các loại cây khác, trong đó chú ý đến quá trình canh tác, tập quán của người Co trong sản xuất nông nghiệp.</p>	<p>Bài 38: Đi rẫy Bài 39: Trò chuyện: Làm chòi rẫy Bài 40: Trò chuyện: Đan gùi để đi rẫy Bài 41: Người Co làm rẫy Bài 42: Trò chuyện: Rẫy người Co trồng gì?</p>	<p>tiết thực hành</p>	
6	<p>Chủ đề 6 Quê hương, đất nước, con người</p> <p>Gồm 15 bài (trong đó có 8 bài khóa và 7 bài hội thoại), đề cập đến điều kiện địa lý tự nhiên, lịch sử của đất nước Việt Nam; điều kiện kinh tế - xã hội điều kiện địa lý, khí hậu, lịch sử, dân cư, danh lam thắng cảnh của quê hương Quảng Ngãi; vài nét về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng của đồng bào Co. Bên cạnh đó, chủ đề còn cung cấp kiến thức về cấu tạo từ và phương thức vị tố trong tiếng Co.</p>	<p>Bài 43: Nước Việt Nam Bài 44: Quảng Ngãi - Một vùng non nước Bài 45: Trò chuyện: Quảng Ngãi có nhiều nơi đẹp lắm Bài 46: Chim Bhlilik giữa rừng Bài 47: Chợ Trà Xuân Bài 48: Trò chuyện: Bà mua chuối không? Bài 49: Lý Sơn, Hòn đảo ngoài biển rộng Bài 50: Trò chuyện: Lễ kỉ niệm Khởi nghĩa Trà Bồng Bài 51: Trà Bồng khởi nghĩa Bài 52: Trò chuyện: Chị có biết hát không? Bài 53: Hương quế Trà Bồng</p>	<p>38 tiết 16 tiết lý thuyết và 22 tiết thực hành</p>	

7	<p style="text-align: center;">Chủ đề 7 Y tế, giáo dục</p> <p>Gồm 11 bài học (5 bài khóa và 4 bài hội thoại, 2 bài kiến thức ngôn ngữ) giới thiệu các nội dung liên quan đến hoạt động y tế và giáo dục trên địa bàn có người Co sinh sống, gồm trường học, bệnh viện, các tình huống giao tiếp diễn ra ở các địa điểm này. Để cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ, chủ đề có 2 bài về danh từ và câu ghép trong tiếng Co.</p>	<p>Bài 54: Trò chuyện: Anh nên đưa bà đi bệnh viện</p> <p>Bài 55: Bệnh viện Trà Bồng</p> <p>Bài 56: Danh từ riêng trong tiếng Co</p> <p>Bài 57: Trò chuyện: Cây thuốc trong rừng</p> <p>Bài 58: Câu ghép trong tiếng Co</p> <p>Bài 59: Trò chuyện: Đưa con đến trường</p> <p>Bài 60: Trường tiểu học xã Trà Thọ</p> <p>Bài 61: Trò chuyện: Buổi học đầu tiên</p> <p>Bài 62: Cô giáo chúng em</p> <p>Bài 63: Trò chuyện: Dạy tiếng Co cho chúng tôi nhé?</p> <p>Bài 64: Lớp học buổi tối.</p> <p>Bài 65: Trò chuyện: Cô giáo người Co</p>	<p style="text-align: center;">37 tiết 15 tiết lý thuyết và 22 tiết thực hành</p>	
8	<p style="text-align: center;">Chủ đề 8 Văn học dân gian người Co</p> <p>Gồm 19 bài (trong đó có 11 bài khóa và 8 bài hội thoại). Các bài khóa cung cấp cho người học vốn từ vựng và nội dung các truyện kể, câu đố dân gian người Co. Bên cạnh đó, các bài Trò chuyện (hội thoại) xoay quanh sinh hoạt vật chất và tinh thần</p>	<p>Bài 66: Con thỏ, con rùa và cây khế</p> <p>Bài 67: Trò chuyện: Nhà mình đi ăn cỗ</p> <p>Bài 68: Ông chống trời</p> <p>Bài 69: Câu hỏi trong tiếng Co</p> <p>Bài 70: Trò chuyện: Đi thăm ông bà</p> <p>Bài 71: Cái chiêng</p>	<p style="text-align: center;">36 tiết 18 tiết lý thuyết và 18 tiết thực hành</p>	

<p>của người dân. Các tác phẩm văn học trên góp phần cung cấp cho người học tri thức phong phú về đời sống và quan niệm, tư duy của con người, góp phần giáo dục giá trị đạo đức, giá trị thẩm mỹ cho người học.</p>	<p>thân</p> <p>Bài 72: Vì sao cọp sợ cái cối?</p> <p>Bài 73: Tám nước suối của Giàng</p> <p>Bài 74: Người Co biết dệt chiếu từ khi nào?</p> <p>Bài 75: Đố tiếng Co</p> <p>Bài 76: Cái trống ước</p> <p>Bài 77: Trò chuyện: Tập tính toán</p> <p>Bài 78: Mua “Cọp”</p> <p>Bài 79: Hai anh em cùng một mẹ</p> <p>Bài 80: Trò chuyện: Thăm lại chiến trường xưa</p>		
--	--	--	--

3.2.2. Tài liệu bồi dưỡng tiếng Co

Tài liệu bồi dưỡng tiếng Co: *Bài học tiếng Co, Nguyễn Minh Trí (chủ biên) 2016*, là kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh: “*Nghiên cứu, biên soạn tài liệu dạy - học tiếng Co cho cán bộ, công chức, viên chức (người Kinh) công tác tại huyện Trà Bồng và huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi*” được UBND tỉnh Quảng Ngãi cho phép Trường Đại học Phạm Văn Đồng sử dụng để thực hiện bồi dưỡng tiếng Co cho cán bộ, công chức, viên chức huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi (theo Công văn số 4796/UBND-NC của UBND tỉnh ngày 27/8/2019).

(Có Tài liệu bồi dưỡng tiếng Co: Phụ lục 3)

IV. Các quy định về tuyển sinh và tổ chức bồi dưỡng

1. Chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm xác định theo nhu cầu bồi dưỡng của các cơ quan đơn vị trong tỉnh.

2. Đối tượng tuyển sinh

Công dân Việt Nam là người dân tộc Hrê/Co; cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội đang công tác ở vùng đồng bào dân tộc Hrê, Co và miền núi tỉnh Quảng Ngãi.

3. Phương thức và hồ sơ tuyển sinh

3.1. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển theo đơn đăng ký bồi dưỡng tiếng Hrê, Co của các cá nhân hoặc văn bản đề nghị tổ chức bồi dưỡng của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

3.2. Hồ sơ tuyển sinh

- Đơn đăng ký bồi dưỡng tiếng Hrê, Co của người học.
- Quyết định công nhận danh sách học viên trúng tuyển.

4. Hình thức tổ chức bồi dưỡng

Tùy theo điều kiện của người học và cơ sở vật chất phục vụ, việc bồi dưỡng sẽ thực hiện đa dạng theo các loại hình sau:

- Học bán tập trung: Người học vừa công tác vừa học một số buổi trong tuần hoặc một số ngày trong tháng cho đến khi kết thúc chương trình bồi dưỡng.
- Học tập trung một đợt theo thời gian quy định trong chương trình bồi dưỡng.
- Học tập trung nhiều đợt, mỗi đợt hoàn thành một nội dung quy định trong chương trình bồi dưỡng.

5. Kiểm tra, đánh giá, xếp loại, bảo lưu kết quả học tập và cấp chứng chỉ

Đánh giá, xếp loại và bảo lưu kết quả học tập của học viên được thực hiện theo Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Theo đó:

5.1. Về kiểm tra, đánh giá

Giảng viên giảng dạy tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ để đánh giá quá trình học tập của học viên; mỗi cụm bài (khoảng 30 - 45 tiết) có bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình chi tiết.

5.2. Thi cuối khoá

a) Học viên dự thi cuối khoá cần đảm bảo các điều kiện sau:

- Đạt điểm trung bình chung các bài kiểm tra (điểm kiểm tra thường xuyên có hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ có hệ số 2) từ 5,0 trở lên tính theo thang điểm 10, không có bài kiểm tra nào dưới 2,0 điểm;
- Không nghỉ học quá 20% số tiết so với tổng số tiết của chương trình.

b) Bài thi cuối khoá có lượng kiến thức, kỹ năng theo quy định tại các Chương trình khung tiếng dân tộc thiểu số do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thời gian thi cuối khoá chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Hrê, tiếng Co) là 90 phút cho 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

c) Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng giáo dục chịu trách nhiệm tổ chức thi cuối khóa cho học viên theo đúng quy định hiện hành.

5.3. Đánh giá, xếp loại và bảo lưu kết quả học tập

5.3.1. Đánh giá

Học viên có điểm thi cuối khoá từ 5.0 trở lên thì được đánh giá hoàn thành chương trình.

5.3.2. Xếp loại

Xếp loại kết quả học tập được ghi trong chứng chỉ cấp cho học viên căn cứ vào điểm trung bình chung toàn khóa đã quy về thang điểm 10 (điểm kiểm tra thường xuyên có hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ có hệ số 2, điểm thi cuối khóa có hệ số 3). Xếp loại cụ thể như sau:

a) Điểm trung bình chung toàn khóa đạt từ 8,0 đến 10 điểm, xếp loại: Giỏi;

b) Điểm trung bình chung toàn khóa đạt từ 6,5 đến dưới 8,0 điểm, xếp loại: Khá;

c) Điểm trung bình chung toàn khóa đạt từ 5,0 đến dưới 6,5 điểm, xếp loại: Trung bình.

5.3.3. Bảo lưu

Học viên có điểm thi cuối khoá dưới 5.0 thì được bảo lưu các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ và được phép thi lại 01 lần để đánh giá hoàn thành chương trình bồi dưỡng.

5.4. Cấp chứng chỉ

Học viên được đánh giá hoàn thành chương trình bồi dưỡng sẽ được cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Hrê, tiếng Co).

V. Đề xuất và cam kết

Căn cứ vào năng lực cán bộ, giảng viên, giáo viên và kinh nghiệm trong việc tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng trong những năm qua, Trường Đại học Phạm Văn Đồng xây dựng "**Đề án tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Hrê, tiếng Co) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**" trình Bộ Giáo dục và Đào tạo, Vụ Giáo dục dân tộc - Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, xác minh các điều kiện về tổ chức bồi dưỡng để Trường Đại học Phạm Văn Đồng được thực hiện bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đáp ứng nhu cầu học tập, bồi dưỡng của cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang, công an trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Trường Đại học Phạm Văn Đồng cam kết: Có đội ngũ giảng viên, chuyên gia có đầy đủ năng lực, trình độ và kinh nghiệm để đảm trách tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện đánh giá trình độ năng lực tiếng Hrê, tiếng Co theo 4 kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đảm bảo cơ sở vật chất, công tác tổ chức, đánh giá và báo cáo theo đúng quy định về việc tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

